

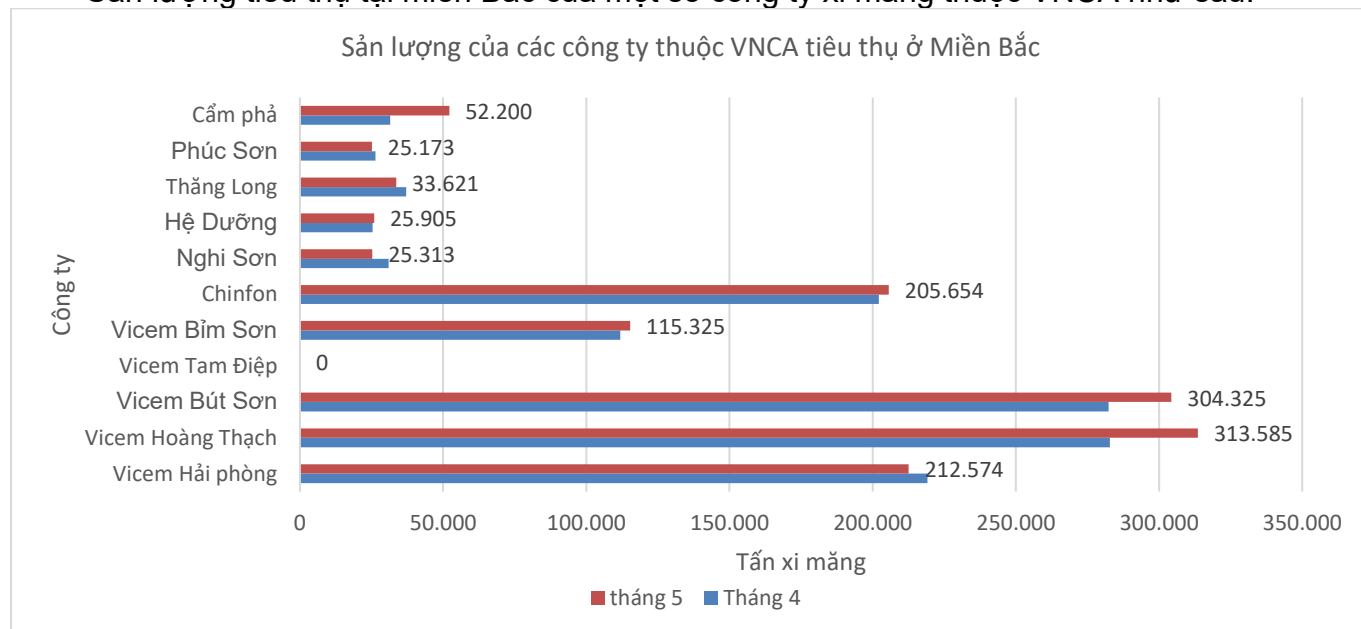
TÌNH HÌNH THI TRƯỜNG XI MĂNG VIỆT NAM THÁNG 5/2020

A- TIÊU THỤ NỘI ĐỊA:

I.Thị trường xi măng miền Bắc:

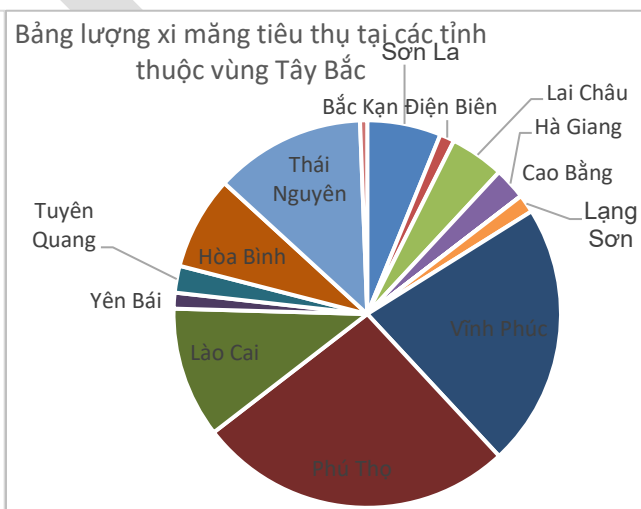
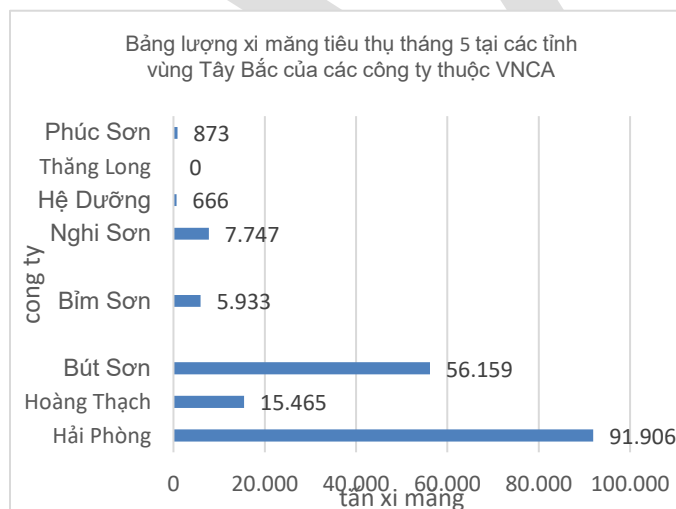
Tổng lượng tiêu thụ xi măng của cả nước tại địa bàn miền Bắc tháng 5/2020 là: 2.391.879 tấn (tháng 4 là 2.319.868 tấn).

Sản lượng tiêu thụ tại miền Bắc của một số công ty xi măng thuộc VNCA như sau:

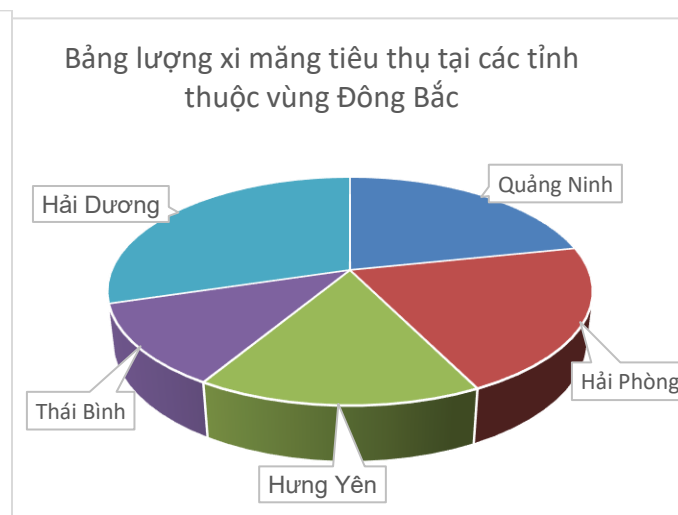
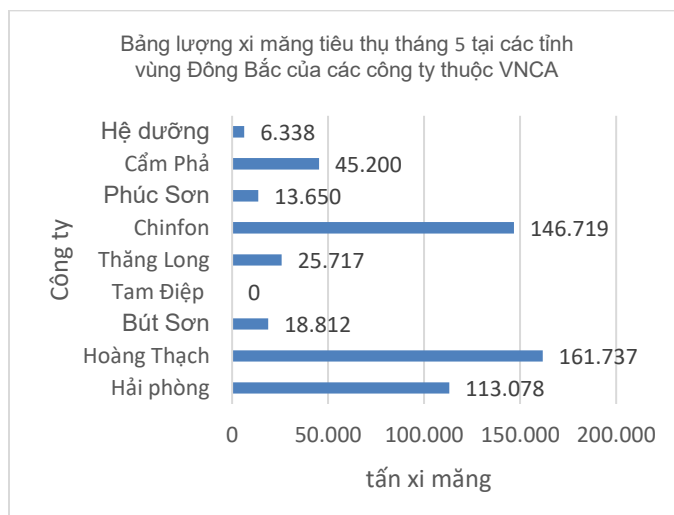


Lượng xi măng tiêu thụ tại các vùng ở Miền Bắc trong tháng 5/2020 như sau:

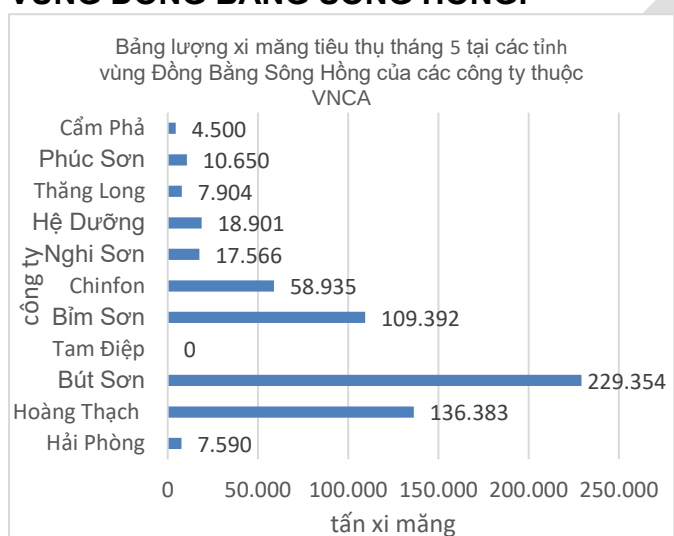
VÙNG TÂY BẮC:



VÙNG ĐÔNG BẮC:



VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG:



Giá bán lẻ một số chủng loại xi măng trên địa bàn Miền Bắc như sau:

Giá không ghi chú chủng loại thì được hiểu là giá PCB 30 (đơn vị: nghìn đồng/tấn)

1. Tại Sơn La:

- XM Yên Bái: 1.180 (giá tại nhà máy)
- XM Tam Điệp: 1.460

2. Tại Hòa Bình:

- XM ChinFon: 1.500
- XM Bút Sơn: 1.410

3. Tại Lạng Sơn:

- XM Phúc Sơn: 1.300
- XM Chinfon: 1.400
- XM Hoàng Thạch: 1.440
- XM Lạng Sơn: 940

4. Tại Thái Nguyên:

- XM La Hiên: 1.240
- XM Quang Sơn: 1.270
- XM Tuyên Quang: PCB 30: 1090 PCB 40: 1.200

5. Tại Quảng Ninh:

- XM Hoàng Thạch: 1.400
- XM Phúc Sơn: 1.290
- XM Chin Fon: 1.400
- XM Lam Thạch: 1.200
- XM Thăng Long PCB 40: 1.350
- XM Hạ Long PCB 40: 1.360
- XM Cầm phả PCB 40: 1.300

6. Tại Bắc Ninh:

- Xi măng Hoàng Thạch: 1.430
- XM Cầm Phả PCB 40: 1.380

XM Phúc Sơn: 1.350 XM Nghi Sơn PCB40: 1.450 – XM Chinfon: 1.450

7. Tai Bắc Giang: - XM Hoàng Thạch: 1.430

- XM Cẩm Phả PCB 40: 1.380 - XM Phúc Sơn: 1.330

- XM Thăng Long PCB 40 1.380 - XM Hoàng Mai: 1.450

8. Tai Hải Dương: - XM Chinfon: 1.420 - *Hoàng Thạch: 1.420*

- XM Cẩm phả PCB 40	1.400	- XM Phúc Sơn:	1.350
---------------------	-------	----------------	-------

9. Tai Hưng Yên: - XM Hoàng Thạch: 1.400

- XM Chin Fon:	1.400	- XM Bút Sơn:	1.380
- XM Phúc Sơn:	1.260		

10. Tai Thanh Hoá: - XMVLXD Bỉm Sơn: 1.070

- XM Bỉm Sơn: 1.330 - XM Nghi Sơn PCB 40 1.420

- XM Hoàng Mai 1.280 - XM Tam Điệp: 1.250

11. Tai Ninh Bình: - XM Tam Điệp: 1.250 - XM Hệ Dưỡng: 970 (giá tại nhà máy)

- XM Bỉm Sơn: 1.220

12. Tai Nam Định: - XM Hoàng Thạch: 1.400 XM Cẩm phả: 1.380

- XM Bỉm Sơn: 1.420 XM Phúc Sơn: 1.340

- XM Bút Sơn: 1.400 - XM Chin Fon: 1.440

13. Tai Thái Bình:

- XM Bỉm Sơn: 1.400 - XM Chin Fon: 1.430 - XM Thăng Long: 1.390

- XM Bút Sơn: 1.400 - XM Phúc Sơn: 1.320 - XM Cẩm phả: 1.390

14. Tai Hà Nội.

- XM Chin Fon: 1.540 - XM Hoàng Thạch: 1.590

- XM Phúc Sơn: 1.450 - XM Bỉm Sơn: 1590

- XM Tam Điệp: 1550 - XM Bút Sơn: 1560

- XM Thăng Long PCB 40: 1.490

- XM Nghi Sơn PCB 40: 1.600 - XM Cẩm Phả: 1.500

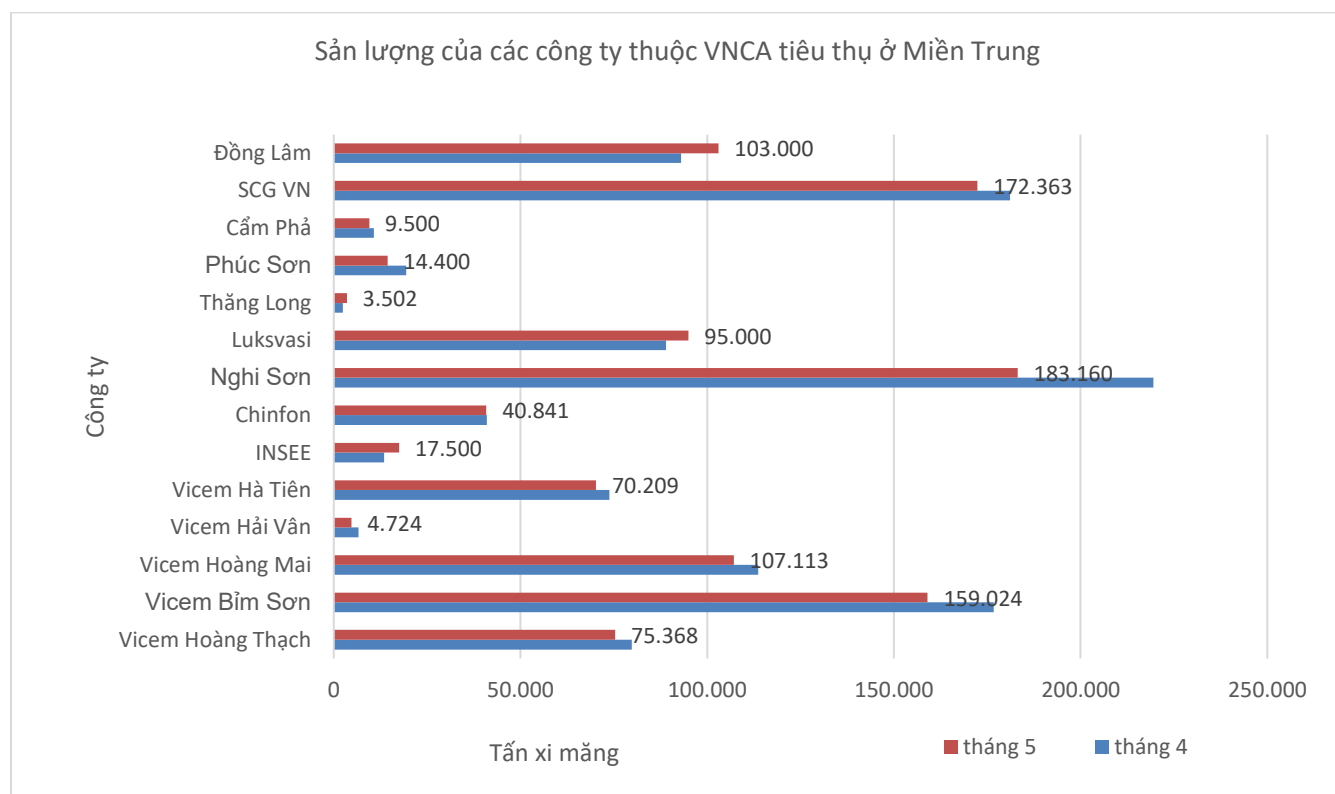
15. Tai Hải phòng: - XM ChinFon: 1.470 XM Cẩm phả: 1.400

- XM Hải phòng: 1.440 - XM Phúc Sơn: 1.390

II. Thi trường xi măng miền Trung:

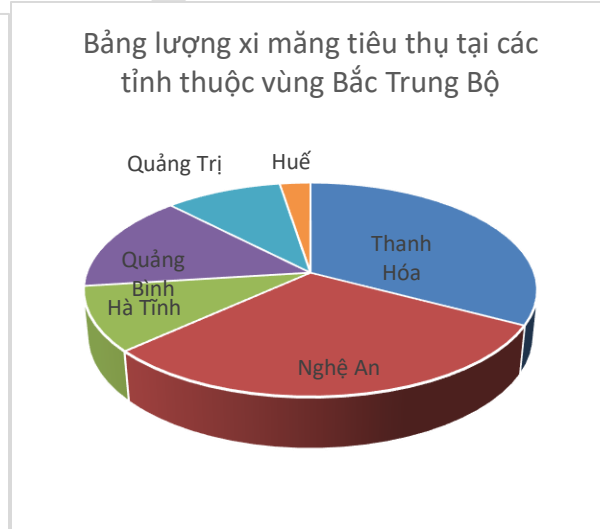
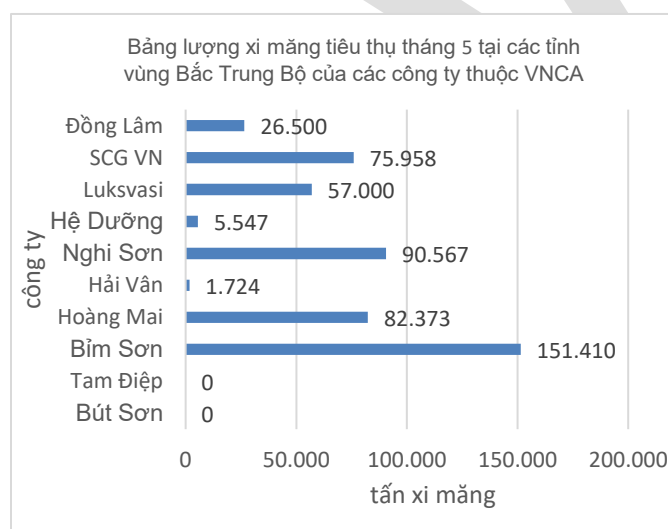
Tổng lượng tiêu thụ xi măng của cả nước tại địa bàn miền Trung tháng 5/2020: 1.390.751 tấn (tháng 4 là 1.455.443 tấn).

Sản lượng tiêu thụ tại miền Trung của một số công ty xi măng thuộc VNCA như sau:



Lượng xi măng tiêu thụ tại các vùng ở Miền Trung trong tháng 5/2020 như sau:

VÙNG BẮC TRUNG BỘ:



VÙNG TRUNG TRUNG BỘ

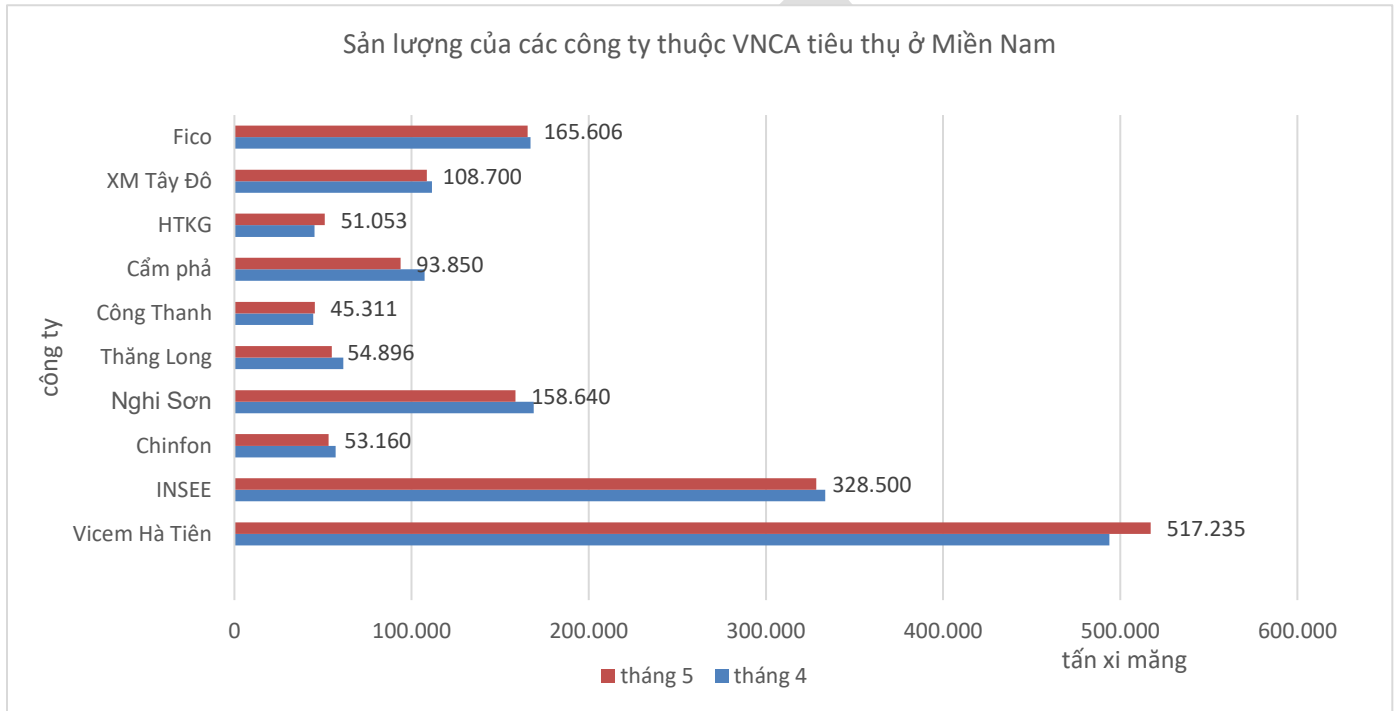
*** Giá XM tại Gia lai, Đắk Lắk, Kontum:** XM Hoàng Thạch: 1.830

- XM Hà tiên Vicem PCB 40: 1.830
- XM Phúc Sơn PCB 40: 1.730
- XM Thăng Long 1.730
- XM Hoàng Mai PCB 40: 1.830

III. Thị trường xi măng Miền Nam:

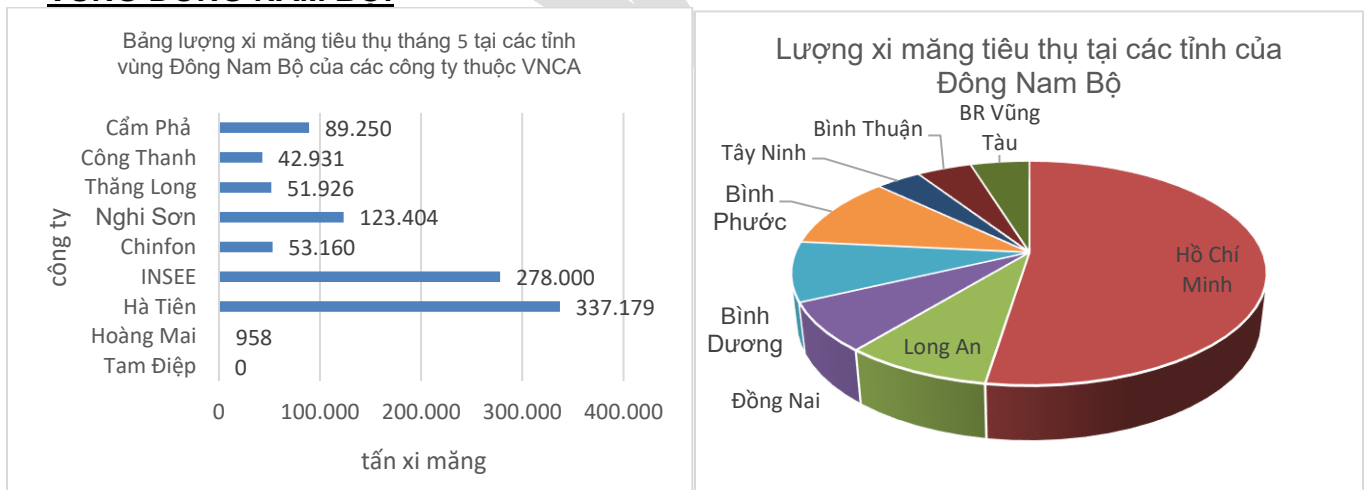
Tổng lượng tiêu thụ xi măng của cả nước tại địa bàn miền Nam là: 1.898.253 tấn (tháng 4 là 1.889.662 tấn).

Sản lượng tiêu thụ tại miền Nam của một số công ty xi măng thuộc VNCA như sau:

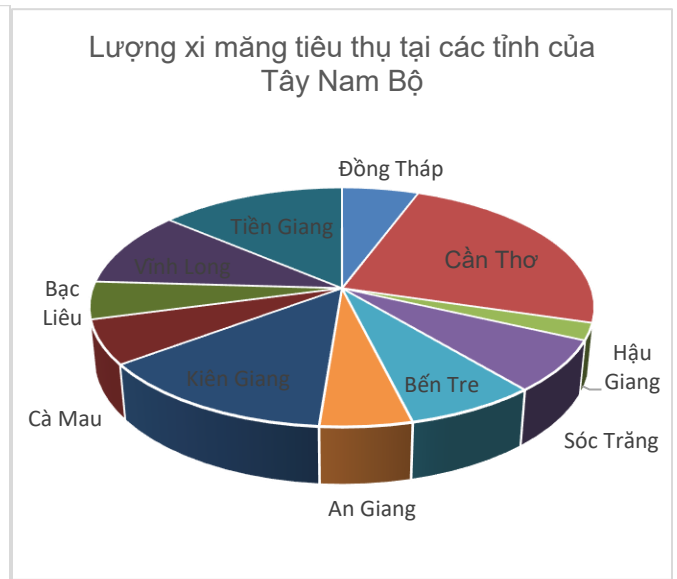
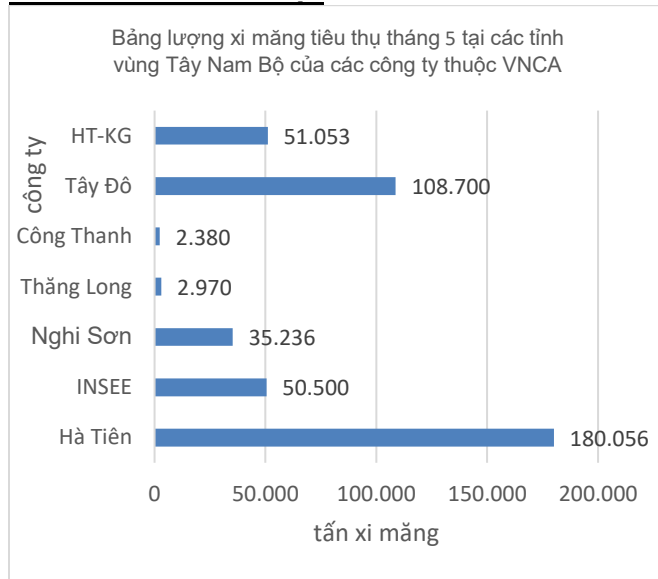


Lượng xi măng tiêu thụ tại các vùng ở Miền Nam tháng 5/2020 như sau:

VÙNG ĐÔNG NAM BỘ:



VÙNG TÂY NAM BỘ:



Giá một số chủng loại xi măng trên địa bàn Miền Nam như sau: (đơn vị: nghìn đồng/tấn)

*** Giá xi măng tại Thành phố HCM:**

- XM Vicem -Hà Tiên PCB 40 : 1.750
- XM Nghi Sơn PCB 40:1.730
- XM ChinFon :1.560
- XM Cẩm phả PCB 40: 1.680
- XM Phúc Sơn: 1.580
- XM FICO: 1.600
- XM INSEE (Siam City Cement) đa dụng PCB 40: 1.730 (giá tại nhà máy)
- XM Công Thanh: 1.600

*** Giá xi măng tại Cần Thơ và các tỉnh lân cận:**

- XM FICO Tây Ninh: 1.600
- XM Nghi Sơn PCB 40: 1.780
- XM Tây Đô tại Công ty PCB 40 1.394 ; PCB 50 xá : 1.353
- XM Hà tiên Vicem PCB 40: 1.700
- INSEE: 1.800

*** Giá xi măng tại Kiên Giang:** - XM Hà tiên Vicem PCB 40: 1.760
 XM Hà Tiên-Kiên Giang (cá sấu) tại kho: 1.290 PCB 40: 1.390

Nhận xét chung thị trường nội địa:

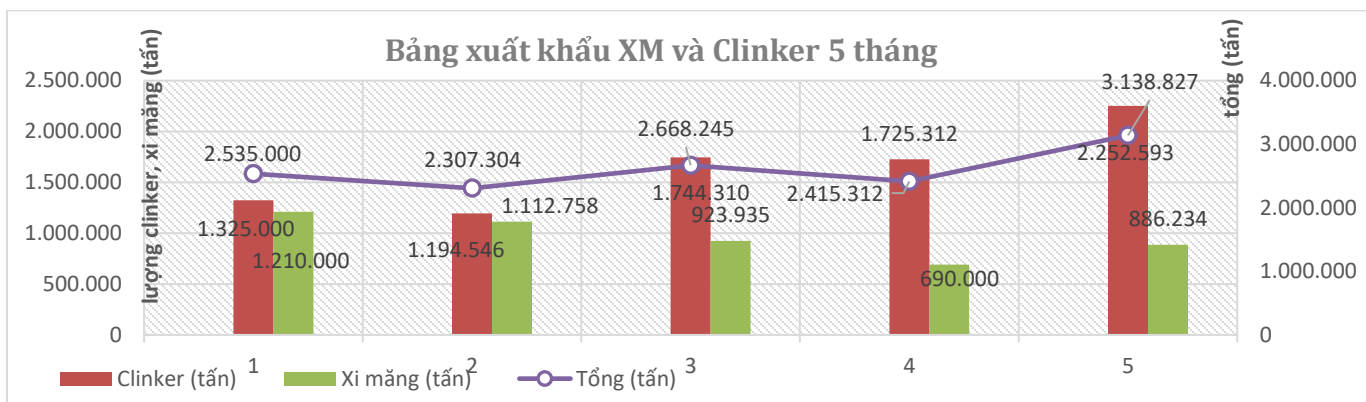
Về tiêu thụ xi măng: giảm do ảnh hưởng của việc thực hiện giãn cách xã hội để phòng tránh dịch COVID 19.

Về giá xi măng: Giá xi măng vẫn ổn định như mức giá của tháng 4.

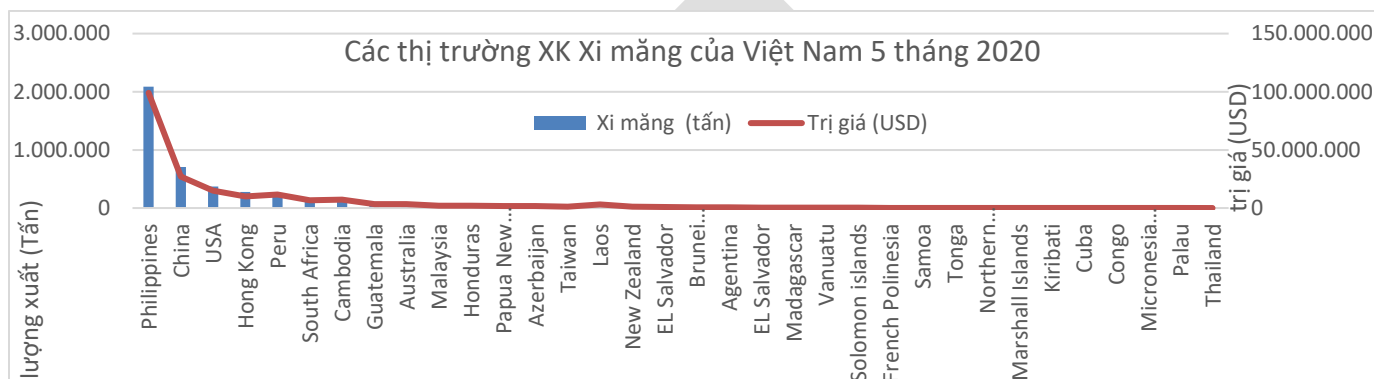
Tồn kho cuối tháng 4: Xi măng: 1 triệu tấn; clinker: 4,2 triệu tấn.

B- XUẤT KHẨU (XK)

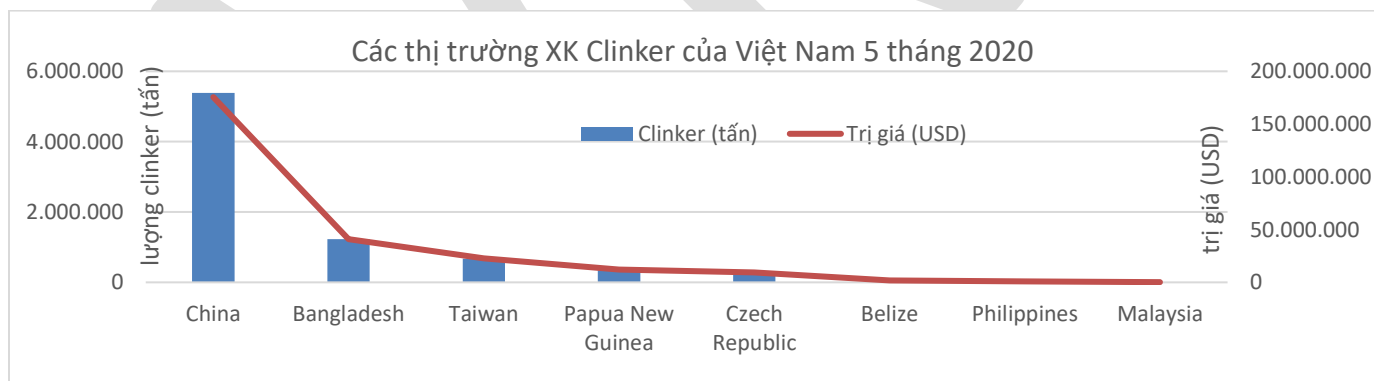
1. Lượng XK xi măng và clinker tháng 5 như sau:

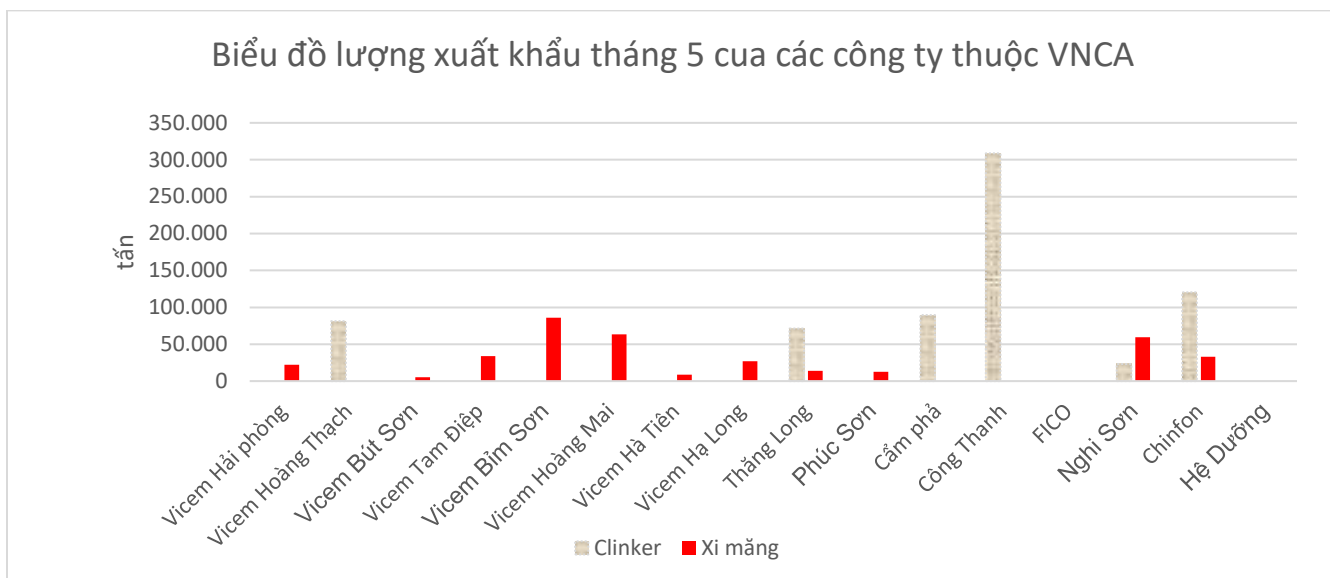


2. Các thị trường XK xi măng và clinker của Việt Nam 5 tháng 2020:

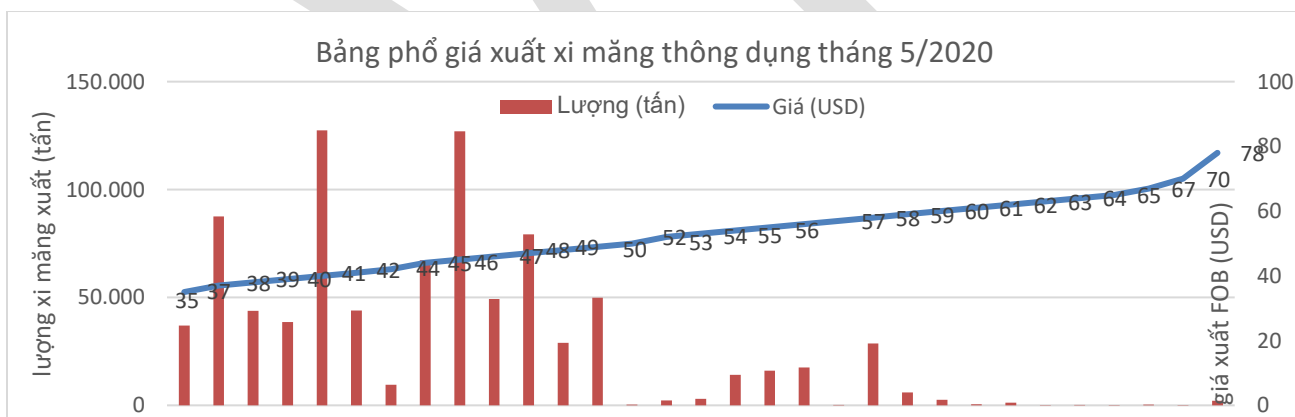
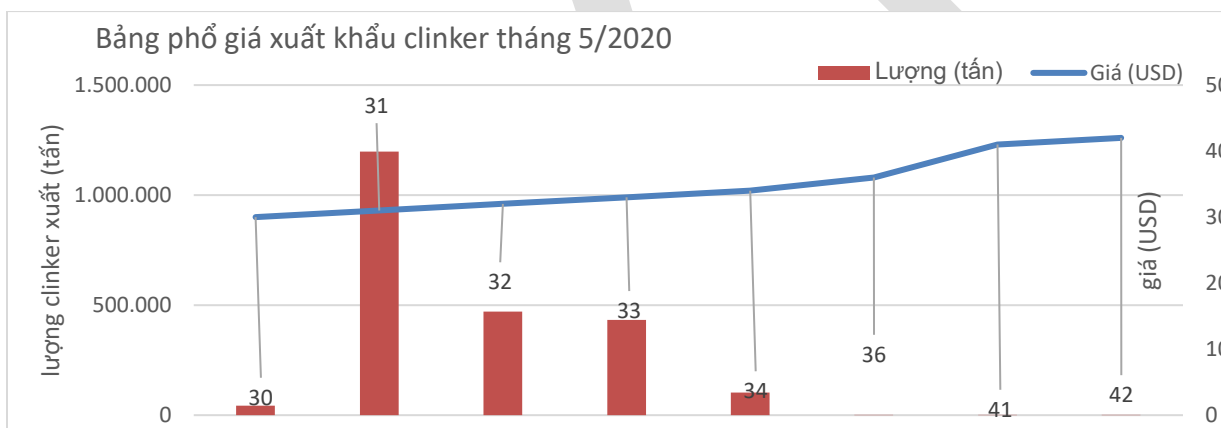


3. Một số nhà XK trực tiếp (các nhà sản xuất) thuộc VNCA như sau:





4. Bảng phổ giá xuất khẩu xi măng loại thông thường và clinker trong tháng 5 như sau:



C- SX THÁNG 5/2020, KẾ HOẠCH THÁNG 6 VÀ LŨY KẾ TTND NĂM 2020:

Đơn vị: Tấn

	Đơn vị	SX XM tháng 5/2020	Lũy kế SX xi măng 2020	Kế hoạch TTNĐ T6/2020	Lũy kế TTNĐ năm 2020
A	Khối VICEM	2,299,743	9,593,087	2,019,600	8,421,253
1	Vicem Hải Phòng	145,500	598,756	258,000	913,789
2	Vicem Bim Sơn	342,251	1,389,430	352,600	1,289,569
3	Vicem Hoàng Thạch	351,000	1,289,861	420,000	1,589,543
4	Vicem Bút Sơn	294,275	1,295,593	290,000	1,267,892
5	Vicem Hà Tiên	553,850	2,414,434	590,000	2,484,266
6	Vicem Hải Vân	62,000	252,560	5,000	25,825
7	Vicem Hoàng Mai	163,500	622,598	175,000	478,474
8	Vicem Tam Điệp	119,419	552,745	30,000	34
9	Vicem Hạ Long	176,900	730,889	180,500	360,923
10	Vicem Sông Thao	91,048	446,223		10,938
B	Khối LD	1,725,801	8,104,257	1,534,660	6,779,630
1	XM Nghi Sơn	422,799	2,038,498	373,800	1,791,870
2	XM Chinfon	328,002	1,402,867	305,100	1,312,277
3	Siam City Cement	360,000	1,860,000	320,000	1,513,600
4	XM Luks(Vietnam)	120,000	550,000	110,000	404,000
5	XM Thăng Long	150,000	655,000	120,000	452,488
6	XM Hệ Dưỡng	35,000	182,892	25,760	142,689
7	SCG VN	240,000	1,090,000	230,000	970,499
8	XM Phúc Sơn	70,000	325,000	50,000	192,207
C	Khối các Cty xm khác	3,300,000	14,390,000	2,410,000	9,730,000
	Toàn XH: (A+B+C)	7,325,544	32,087,344	5,964,260	24,930,883

Đánh giá:

- TTNĐ tháng 5: 5.680.883 tấn bằng 97% so với cùng kỳ năm 2019, tương đương so với tháng 4/2020. Tổng TTNĐ 5 tháng năm 2020 đạt 24.930.883 tấn giảm 4% so với cùng kỳ 2019.
- Xuất khẩu tháng 5: 3.138.827 tấn (trong đó xi măng 886.234 tấn và clinker là 2.252.593 tấn) bằng 123% so với cùng kỳ 2019, bằng 130% so với tháng 4/2020. Tổng xuất khẩu xi măng và clinker 5 tháng năm 2020 đạt 13.064.688 tấn giảm 4% so với cùng kỳ 2019.
- TTNĐ và xuất khẩu tháng 5: 8.819.710 tấn bằng 105% so với cùng kỳ năm 2019, bằng 109% so với tháng 4/2020. Tổng TTNĐ và XK 5 tháng năm 2020 đạt 37.995.571 tấn giảm 4% so với cùng kỳ.